**BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÂU HỎI, CÂU KHIẾN, CÂU CẢM, CÂU KỂ**

(*Thời gian thực hiện*: 01 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Những đặc điểm về câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể trong hoạt động giao tiếp.

- Thành phần biệt lập trong câu.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:**

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

+ Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

+ Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**- Năng lực riêng:**

+ Nhận biết và sử dụng được câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể trong hoạt động giao tiếp;

+ Biết sử dụng thành phần biệt lập trong câu.

1. **Phẩm chất:**

- Chăm học, chăm làm: có ý thức vận dụng về câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể trong hoạt động giao tiếp hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu…

- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (10 phút )**

**a. Mục tiêu**: Huy động tri thức nền của HS về các kiểu câu phân theo mục đích nói, khơi gợi hứng thú khám phá bài học của HS.

**b. Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của phần học bài trước

**c. Sản phẩm:** Những hiểu biết ban đầu của học sinh về các kiểu câu phân theo mục đích nói.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV tổ chức cho HS tìm hiểu kiến thức ngữ văn qua trò chơi “Nhóm nào nhanh hơn”

**-** GV yêu cầu HS quan sát ngữ liệu, trả lời lần lượt các câu hỏi:

**Câu 1:** Hãy kể tên một số kiểu câu mà em biết trong ví dụ sau:

*Thôi ông lão đừng lo lắng!*

*Một đêm nọ, tôi đứng trên một ngọn đồi vắng.*

*Chúng ta có thể làm được gì nào?*

*Chao ôi! Cuộc đời ta bất hạnh thế!*

**Câu 2:** Từ kết quả của bài tập 1 và mục 2 phần kiến thức Ngữ văn, hãy hoàn thành thông tin vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | |
| **Kiểu câu** | **Đặc điểm** | **Chức năng** |
| **Câu hỏi** |  |  |
| **Câu cầu khiến** |  |  |
| **Câu cảm** |  |  |
| **Câu kể** |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động theo cặp, giơ tay nhanh để phát biểu lần lượt câu hỏi GV trình chiếu trên bảng.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GVgọi HS nhận xét phần trả lời của nhóm bạn; HS khác lắng nghe, bổ sung. Cả lớp tìm ra những nhóm HS có nội dung trả lời tốt nhất, nhanh nhất qua các câu trả lời để tôn vinh.

Dự kiến sp:

**Câu 1:**

*Thôi ông lão đừng lo lắng! -> Câu khiến*

*Một đêm nọ, tôi đứng trên một ngọn đồi vắng. -> Câu kể*

*Chúng ta có thể làm được gì nào? -> Câu hỏi*

*Chao ôi! Cuộc đời ta bất hạnh thế! -> Câu cảm*

**Câu 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | |
| **Kiểu câu** | **Đặc điểm** | **Chức năng** |
| **Câu hỏi** | - thường có các từ nghi vấn: *ai, gì, nào, sao, đâu, bao giờ, mấy, bao nhiêu, à, ư, hả, chứ, có... không, đã... chưa,* hoặc từ *hay* (nối các vế có quan hê lựa chọn).  - kết thúc bằng dấu chấm hỏi. | câu dùng để hỏi thông tin. |
| **Câu khiến** | - thường kết thúc bằng dấu chấm than nhưng cũng có thể kết thúc bằng dấu chấm (nếu ý cầu khiến không được nhấn mạnh). | dùng để ra lệnh, yêu câu, đề nghị, khuyên bảo, ngăn cấm. |
| **Câu cảm** | - thường có các từ ngữ cảm thán như: *a, ôi, than ôi, hỡi ơi, trời ơi, chao ôi, thay, biết bao, biết chừng nào,...*  - thường kết thúc bằng dấu chấm than. | dùng để biểu lộ trực tiếp cảm xúc của người nói |
| **Câu kể** | - không có đặc điểm hình thức của câu hỏi, câu khiến, câu cảm.  - thường được kết thúc bằng dấu chấm hoặc đôi khi bằng dấu chấm than, dấu chấm lửng. | dùng để trình bày (trần thuật, miêu tả, nhận định,...) về sự vật, sự việc |

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung bài học.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH - LUYỆN TẬP ( 30 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức ngữ văn để thực hành nhận biết và sử dụng được câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể trong hoạt động giao tiếp; biết sử dụng thành phần biệt lập trong câu.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH đàm thoại gợi mở, hợp tác; KTDH chia nhóm, động não để hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm**: Các bài tập được hoàn thành

**d. Tổ chức hoạt động**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **2.1. HD làm bài tập 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài tập 1 (SGK/111) và thực hiện nhiệm vụ cặp đôi theo bàn, hoàn thành PHT số 2:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | | | **Câu** | **Kiểu câu** | **Đặc điểm** | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  | | d |  |  | | e |  |  | | g |  |  | | h |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS chia nhóm cặp đôi theo bàn  + 1 phút cặp đôi hoàn thành PHT  + 2 phút cặp đôi trong bàn trao đổi, chia sẻ rà soát nội dung khác biệt.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV** chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2)  - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.  - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **GV**:  - Nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **Bài 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Kiểu câu** | **Đặc điểm** | | a | Câu khiến | Dấu chấm | | b | Câu kể | Dấu chấm | | c | Câu kể | Dấu chấm | | d | Câu cảm | Dấu chấm than; thán từ “ hỡi ơi” | | e | Câu hỏi | Dấu chấm hỏi | | g | Câu cảm | Dấu chấm than; thán từ “ chao ôi” | | h | Câu kể | Dấu chấm | |
| **2.2. HD làm bài tập 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 ( SGK/111) và thực hiện theo nhóm bàn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi nhóm bàn, ghi lại kết quả.  - GV quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý (nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện các bàn trả lời.  - HS khác lắng nghe, đối chiếu và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận, lưu ý HS nhận biết và sử dụng các kiểu câu theo mục đích nói. | **Bài 2:**  a. Câu hỏi - Câu dùng để hỏi thông tin.  b. Câu được dùng để biểu thị ý phủ định - Câu dùng để bác bỏ ý kiến của người khác.  c. Câu hỏi - Câu dùng để hỏi thông tin.  d. Câu được dùng để biểu thị ý phủ định - Câu dùng để bác bỏ ý kiến của người khác. |
| **2.3. HD làm bài tập 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu bảng:   |  |  | | --- | --- | | Thành phần tình thái | Nghĩa | | a. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được ( Kim Lân). | **1** Biểu thị ý phỏng đoán dè dặt về điều nêu sau đó | | **b.** Cuộc đời quả thật Cứ mỗi ngày một đêm đáng buồn… | **2.** biểu thị ý đều sắp xếp nêu ra mới là sự thật và có phần trái với điều nói trước đó | | **c.** Thật ra trong lòng tôi rất dựng dưng., (Nam Cao) | **3.**  biểu  biểu thị ý không khẳng định chắc chắn đều nêu sau đó | | **d.** Có lẽ tôi bán con chó đấy ông giáo ạ | **4.**  biểu  thị ý xác nhận sự việc quả đúng như vậy. | | **e.** Chị Dậu dường như tủi thân cúi xuống gạt thầm nước mắt | **5.**  biểu thị ý băn khoăn nghi ngờ về tính chân thực của điều  nêu  sau đó |   Yêu cầu cá nhân HS quan sát, thực hiện nhiệm vụ: Ghép các thành phần tình thái in đậm với ý nghĩa phù hợp  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhớ lại kiến thức về thành phần tình thái đã học ở Bài 9, quan sát, dự kiến kết quả.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV chỉ định 1 HS lên bảng nối trực tiếp trên màn hình.  - Cả lớp quan sát, đối chiếu, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận, khắc sâu kiến thức về thành phần tình thái. | **Bài 3:**  a - 5  b - 4  c - 2  d - 3  e - 1 |
| **2.4. HD làm bài tập 4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS dựa vào kiến thức Ngữ văn về thành phần biệt lập ( đã học ở bài 9) để xác định thành phần phụ chú và chức năng của thành phần phụ chú trong câu theo PHT số 3:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3** | | | | | **Câu** | **Thành phần phụ chú** | **Dấu hiệu hình thức** | **Tác dụng** | | a |  |  |  | | b |  |  |  | | c |  |  |  | | d |  |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhớ lại kiến thức về thành phần tình thái đã học ở Bài 9, thảo luận theo nhóm bàn, hoàn thành PHT số 3  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV trình chiếu sản phẩm một nhóm bất kì, đại diện HS trình bày; nhóm HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ các nhóm, bổ sung, khắc sâu kiến thức về thành phần phụ chú. | **Bài 4:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3** | | | | | **Câu** | **Thành phần phụ chú** | **Dấu hiệu hình thức** | **Tác dụng** | | a | làng Mỹ Lý | Đặt giữa hai dấu gạch ngang. | Giải thích không gian muốn nói đến. | | b | con đường, bến sông, bánh xe đạp đều đặn quay tròn,... | Đặt sau dấu hai chấm. | giải thích những hình ảnh nào là mang ý nghĩa ẩn dụ | | c | quê hương của đạo diễn Mai-cơn Đu-đốc đơ Guýt. | Đặt sau dấu phẩy. | giải thích hình ảnh vùng quê trong bộ phim là hình ảnh quê hương đạo diễn | | d | Father and Daughter | Đặt trong hai dấu ngoặc đơn. | giải thích tên tiếng Anh của bộ phim. | |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức về các kiểu câu theo mục đích nói để kết nối với phần viết.

**b. Nội dung**: HS viết **một đoạn văn ngắn (khoảng 7 đến 10 dòng) với chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng ít nhất 01 câu có hình thức là một câu hỏi nhưng không dùng để hỏi.**

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn ngắn do HS viết theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS về nhà: Viết **một đoạn văn ngắn (khoảng 7 đến 10 dòng) với chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng ít nhất 01 câu có hình thức là một câu hỏi nhưng không dùng để hỏi.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập theo bảng tiêu chí sau:

|  |
| --- |
| **Yêu cầu** |
| 1. Hình thức: đảm bảo đoạn văn **(khoảng 7 đến 10 dòng)** |
| 2. Nội dung: **chủ đề tự chọn** |
| 3. Sử  **dụng ít nhất 01 câu có hình thức là một câu hỏi nhưng không dùng để hỏi.** |
| 4. Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp và diễn đạt. |

**-** HS làm việc cá nhân, tạo lập đoạn văn đảm bảo các tiêu chí trên.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đầu tiết học sau, GV chiếu sản phẩm và yêu cầu hai hoặc ba HS trình bày; HS khác lắng nghe, nhận xét, đánh giá theo bảng kiểm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Đạt** | **Chưa đạt** | **Dự kiến**  **chỉnh sửa** |
| 1. Đảm bảo hình thức đoạn văn |  |  |  |
| 2. Nội dung: **chủ đề tự chọn** |  |  |  |
| 3. Sử  **dụng ít nhất 01 câu có hình thức là một câu hỏi nhưng không dùng để hỏi.** |  |  |  |
| 4. Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp và diễn đạt. |  |  |  |

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

- GV nhận xét, đánh giá, cho điểm đối với những bài viết tốt.